

PHẬT THUYẾT THẬP THIÊN NGHIỆP ĐẠO KINH GIẢNG GIẢI

Chủ giảng: HT Tịnh Không

Chuyên ngữ: Thích Nữ Huệ Hạnh

Giọng đọc: NSUT Phú Thăng

Bài số 21

Trong bài giọng nam là lời giảng của HT, giọng nữ là những chú giải thêm

Ly sân nhuế đặc bất chủng hỷ duyệt tâm pháp (nghĩa là xa lìa sân hận, thì được tám thứ tâm pháp hỷ duyệt).

Kinh văn (24) “**Phục thứ Long Vương, nhược ly sân nhuế, tức đặc bất chủng hỷ duyệt tâm pháp. Hà đẳng vi bát?**

- **Nhất, vô tổn não tâm.**
- **Nhị, vô sân nhuế tâm.**
- **Tam, vô tranh tụng tâm.**
- **Tứ, nhu hòa chất trực tâm.**
- **Ngũ, đặc thánh giả từ tâm.**
- **Lục, thường tác lợi ích an chúng sanh tâm.**
- **Thất, thân tướng đoan nghiêm, chúng cộng tôn kính.**
- **Bát, dĩ hòa nhĩ cố, tốc sanh phạm thế.**

Thị vi bát.

Nược năng hồi hướng A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề giả, hậu thành Phật thời, đặc Phật vô ngại tâm, quán giả vô yểm”.

(Nghĩa là: Lại nữa, này Long vương! Nếu xa lìa giận dữ thì tâm liền đạt được tám pháp vui vẻ. Những gì là tám pháp?

1. Tâm không bị phiền não tổn hại.
2. Tâm không giận dữ.
3. Tâm không có tranh chấp.
4. Tâm nhu hòa, ngay thẳng.
5. Đạt được tâm từ của bậc Thánh.
6. Tâm thường đem lại lợi ích, an vui cho chúng sinh.
7. Thân tướng đẹp đẽ, trang nghiêm, mọi người đều tôn kính.
8. Vì từ hòa, nhân nhục nên sớm được sinh lên cõi trời Phạm thiên.

Đây là tám pháp, nếu có thể hồi hướng đến quả vị Bồ-đề vô thượng thì sau khi thành Phật, sẽ được tâm vô ngại, người nhìn thấy không nhầm chán.

Tham, sân, si là ba loại độc phiền não, cũng chính là ba loại độc căn bản. Thân thể chúng ta không khỏe mạnh, mang nhiều bệnh tật là chính từ đây mà ra. Con người trong lục đạo sanh tử luân hồi cũng từ trong đây mà ra. Nếu trừ bỏ được tam độc phiền não, thân thể không chỉ khỏe mạnh trường thọ vô tận mà còn thoát được lục đạo luân hồi.

Cho nên trong tất cả Kinh luận Đức Phật chú trọng nhấn mạnh thập thiện nghiệp đạo, đặc biệt là trong bộ Kinh này. Dù với Đại thừa, Tiểu thừa hay các tông phái, pháp môn khác thì đây đều là môn học chung cho tất cả, xa rời mười thiện thì không còn là Phật pháp nữa. Đức Phật đặc biệt dặn dò chúng ta “ngày đêm thường niệm mười thiện, tư duy mười thiện, quán sát mười thiện; không may mắn xen tạp bất thiện”. Có như vậy mới đắc thành Bồ Tát, thoát khỏi lục đạo, chuyển phàm thành thánh.

Thế tại sao phàm phu tu hành lại gặp nhiều gian nan đến vậy? Chính là vì chưa hoàn toàn làm được mười thiện, mà dẫu được vài phần chẳng nữa thì cũng xen lẫn chút ít bất thiện trong đó. Nếu mười ác nhiều hơn mười thiện, niệm Phật cũng không thể vãng sanh. Vì thế giới Tây Phương Cực Lạc là nơi **“chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ”** (Nghĩa là nơi câu hội của người thượng thiện). Tâm chúng ta còn điều bất thiện đương nhiên không đến được đó. Vì vậy, không những nhà Phật xem trọng mười thiện mà tất cả các tôn giáo khác đều nói đến mười thiện. Nếu mười thiện đã là pháp môn mà tất cả các tôn giáo thế gian đều cùng tu học thì chúng ta sao có thể bỏ qua được?

Chúng ta phải có cái nhìn sâu xa, không lo sợ cái chết, vì đó chỉ là việc sớm muộn, vấn đề là sau khi chết thì sẽ về đâu? Đây mới là vấn đề quan

trọng! Nhà Phật thường dạy “*Vạn pháp giai không, nhân quả bất không*”, nhân quả tại sao bất không vậy? Nhân quả chuyển biến là bất không. Nhân sẽ biến thành quả, quả lại biến thành nhân, nhân quả tuần hoàn miên viễn nên nó là chuyển biến bất không, tuần hoàn bất không, tương tục bất không. Đây là chân lý, là định luật của pháp thế xuất thế gian. Thế nên chúng ta tuyệt đối không tham lam hưởng thụ trước mắt mà tạo nên nguồn gốc đau khổ trong tương lai. Chúng ta có thể buông bỏ được sự hưởng thụ trước mắt ắt sẽ được an lạc muôn đời.

Bàn về tiêu chuẩn của thiện hạnh, “thiện” chính là làm điều lợi ích cho xã hội, làm điều ích cho cho chúng sanh. Phải làm điều lợi thế nào? Phải tự mình phải làm tấm gương cho người đời thấy. Như cách mà Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện để chúng ta noi theo. Tuy xuất thân từ Vương tử, có địa vị cao quý nhưng Ngài từ bỏ tiền tài địa vị, từ bỏ hưởng thụ ngũ dục lục trần, sống đời nghèo khổ nhất thế gian. Việc này là để dạy chúng ta phải triệt để buông bỏ. Nên nói Đức Thế Tôn là tấm gương cho chúng ta. Đức Thế Tôn đã như vậy, chư đại Bồ Tát, Tổ Sư đại đức cũng như vậy. Chúng ta phải giác ngộ từ điểm này.

Làm thế nào cứu bản thân, cứu thế nhân, cứu văn kiếp nạn?

Phải lấy thân mình làm gương, nếu ngôn và hành không giống nhau thì không cứu được, không thể chuyển biến nghiệp báo. Không những không thể chuyển nghiệp báo mà còn vướng tội nghiệp nặng. Đó là tội nghiệp gì? Tội phá hoại hình tượng Phật giáo cũng xem như phá hoại hòa hợp Tăng.

Đại pháp thù thắng như vậy mà có sao ngày nay lại suy vong? Vì không có người y giáo phụng hành, diễn thuyết vì chúng sanh. Vì chúng sanh mà diễn thuyết chính là hoằng pháp lợi sanh, y giáo phụng hành là tự độ. Dựa theo giáo pháp nào để phụng hành? Dựa theo Thập thiện nghiệp đạo mà phụng hành vậy.

Vì sao chúng ta tu Tịnh độ mà vẫn phải xem trọng mười thiện nghiệp? Vì trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ, Phật dạy nền tảng của tu học là “tịnh nghiệp tam phước”. Đầu tiên trong tịnh nghiệp tam phước là “***Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp***”. “Thập thiện nghiệp” chính là ý chỉ bộ Kinh này. Ba việc hiếu thân, tôn sư, và từ tâm (tức là đối với tất cả chúng sanh có lòng yêu mến vô tư vô ngã) nhất định

phải gắn liền với mười thiện nghiệp, nếu không gắn liền với mười thiện nghiệp thì ba điều này không cách nào thực hành được. Thực hành mười thiện nghiệp cho đại chúng thấy, để đại chúng trông thấy, nghe thấy, tri giác mà đạt được thể ngộ. Đại chúng giác ngộ rồi thì đại chúng sẽ hồi đầu. Đạt được nền tảng này mới có thể tu được Tịnh độ. Có được đầy đủ điều đầu tiên trong tịnh nghiệp tam phước, thì niệm Phật có thể vãng sanh “Phàm thánh cư độ”, còn có đủ **“thọ trì tam quy, cụ túc chúng giới, bất phạm uy nghi”** thì vãng sanh về cõi “Phương tiện hữu dư độ”. Nếu có thể **“Phát bồ đề tâm, thâm tín nhân quả, đọc tụng Đại thừa, khuyến tấn hành giả”** thì vãng sanh về cõi “Thật báo trang nghiêm độ”. Nền tảng tu hành chính là chỗ này.

Kinh Vô Lượng Thọ có dạy “Tam bối vãng sanh”, trong “Tam bối vãng sanh” này có đầy đủ mười thiện pháp. Theo thời khóa tụng niệm hằng ngày (chia thành 2 buổi sáng, tối) của hội đồng tu Tịnh tông, thời khóa sáng là 48 nguyện, thời khóa tối là từ phẩm 32 đến phẩm 37, nội dung chính là “ngũ giới thập thiện”. Dụng ý của thời khóa sáng là dạy chúng ta phát tâm, phát nguyện giống như Phật A Di Đà; còn thời khóa tối là tự kiểm điểm xem xét khởi tâm động niệm của chính mình, lời nói việc làm, có tương ứng với lời giáo huấn của Phật hay không?

Trong các loại phiền não, điều nghiêm trọng nhất là tham dục, mà sân hận chẳng qua là vì tham không được mới sân hận. Tham sân si là vọng niệm, là vọng tâm, là tà tri tà kiến. Những điều này vốn dĩ tự tánh không có, nhưng chúng sanh từ vô lượng kiếp đến nay mê lạc, đánh mất tự tánh, luân hồi trường kiếp, lây nhiễm tật xấu. Việc này hết như hút thuốc phiện, hút nhiều rồi sẽ nghiện. Bản thân ta phải giác ngộ, phải hạ quyết tâm cai nghiện. Người hút thuốc phiện muốn cai nghiện đều không dễ dàng, vì vốn việc hút thuốc đã được sinh ra từ trong vô thủy kiếp, muốn cai bỏ đương nhiên khó khăn.

Vậy làm sao để cai trừ? Chỉ “nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu” (tức chuyên tâm vào một pháp môn mà huân tu trường kỳ) mới có thể quay đầu là bờ. Ngày ngày chỉ đọc Kinh còn không đủ, phải nghiên cứu thảo luận, giảng giải rõ ràng, y giáo phụng hành, một ngày cũng không được bỏ qua.

Thời xưa, tự viện từng lâm mỗi ngày có 8 giờ giảng kinh, 8 giờ tu hành. Tu hành là phản tỉnh, là suy ngẫm sửa đổi lỗi lầm. Tự viện ngày nay đã không giữ được thời khóa như vậy, đều là hình thức. Phật pháp vốn là dạy tu học, bây giờ mọi thứ chỉ là hình thức, nội dung trống rỗng, giáo dục Phật

pháp bỗng biến thành tôn giáo, biến thành mê tín. Chúng ta không có năng lực phân biệt thị phi, thiện ác, đương nhiên càng không có năng lực phân biệt chân vọng, lợi hại, được mất. Sự mê muội thật là càng lún càng sâu! Tự mình còn mê muội chính là đã đem đau khổ cho đại chúng xã hội. Cho nên người học Phật nhất định phải giác ngộ, bản thân giác ngộ, bản thân giải thoát, khi đó giúp người giác ngộ thì người cũng có thể được giải thoát.

Trước đây, Lão cư sĩ Lý Bình Nam thường nói: *“một vạn người niệm Phật nhưng thật sự vãng sanh chỉ có hai, ba người mà thôi”*. Nguyên nhân do đâu? Do hai, ba người đó thực hành nghiêm túc. Lúc Đức Thế Tôn còn tại thế, suốt 49 năm Ngài chỉ tự mình giảng Kinh thuyết pháp mà thôi. Tu hành là ở tự mỗi người, tự mình nghe kinh, thông suốt đạo lý, hiểu rồi sẽ tự tu. Cho nên mới có câu *“Thầy dẫn dắt vào cửa, còn tu hành phải do tự mỗi người”*. Thời kỳ mạt pháp, căn tánh chúng sanh tri độn, phiền não nghiệp chướng nặng, không biết tu hành, giải đãi lười biếng nên Hòa Thượng Mã Tổ Đạo Nhất và Thiền Sư Bá Trượng đã đề xướng cộng tu. Cộng tu chính là nương theo đại chúng, dựa vào đại chúng. Phương pháp này sẽ giúp nhiều người được thành tựu. Tự mình tu hành mà đạt thành tựu thì là người thượng thượng căn; còn người trung hạ căn cá nhân tu hành muốn thành tựu lại rất khó, ắt phải theo đại chúng, dựa vào đại chúng, mỗi ngày cùng nhau nghiên cứu thảo luận. Càng hiểu rõ đạo lý thì càng sáng suốt, càng có năng lực ứng phó với bao điều phức tạp chốn hồng trần nhiều loạn mà giữ tâm thanh tịnh.

Tịnh tông là Đại thừa, là Đại thừa trong Đại thừa, là Nhất thừa trong Nhất thừa, là giáo pháp thù thắng không gì sánh được. Hiểu được điều này thì ý nghĩ ngôn hành của chúng ta chắc chắn sẽ khác kẻ phàm phu, là bởi chúng ta vì đại chúng mà làm tấm gương tốt, như lời cổ nhân dạy *“Học vi nhân sư, hành vi thế phạm”* (nghĩa là cái học xứng đáng làm thầy của người, việc làm xứng đáng gương mẫu cho đời). Còn bằng một thân một mình ở nhà tu tập thì không thể làm gương tốt cho đời, cho người được. Cho nên ta thấy Bồ tát quên thân vì người, niệm niệm suy nghĩ cho đời, vì hạnh phúc của chúng sanh, vì hòa bình ổn định của thế giới là vậy. Đó như là sự cống hiến, mới thực là Bồ tát Đại thừa.

Tổn hại của tham dục thì chậm rãi, ảnh hưởng thời gian dài; còn cái hại của sân hận là tức thời nhưng mãnh liệt. Như trong Ấn Quang Đại Sư Văn Sao kể, một số người phụ nữ vì vô tri mà ngay sau khi tức giận thì cho trẻ nhỏ bú sữa, kết quả đứa trẻ trúng độc mà tử vong. Từ ví dụ đó ta thấy rằng,

sân hận có thể biến sữa, máu huyết thành độc tố, bởi thế người Hồi giáo khi ăn thịt bò, thịt dê nhất định phải rửa sạch phần máu bị dính vào thịt cũng là vì lý do này. Cho nên sân hận thật đáng sợ, tổn hại nghiêm trọng thân tâm chúng ta.

Trong Phật pháp có câu rằng **“nhất niệm sân tâm khởi, bách vạn chướng môn khai”** (nghĩa là chỉ cần một niệm sân hận khởi dậy thì trăm vạn cửa chướng ngại đều mở) hoặc là **“hỏa thiêu công đức lâm”** (tức là chỉ cần một niệm sân hận khởi dậy thì cũng đủ thiêu trụi cả rừng công đức). Chữ hỏa này nghĩa là lửa, ý chỉ sự sân hận, giận dữ. Công đức tu hành tích lũy bao nhiêu năm, chỉ một cơn giận nổi lên thì mọi thứ tan thành mây khói, dễ gì mà tu công tích đức lại được! Công đức là gì? Là tâm thanh tịnh, là giới - định - huệ. Muốn biết được bản thân tích lũy bao nhiêu công đức, thì phải tính từ sau khi cơn giận nổi lên.

Đoạn kinh văn tiếp sau đó là **“Phục thứ Long Vương, nhược ly sân nhuế, tức đắc bát chủng hỷ duyệt tâm pháp”** (có nghĩa là: Nay Long vương, nếu xa lìa sân nhuế thì tâm liền được 8 pháp an vui). Nổi cơn giận dữ, khởi dậy sân hận chắc chắn là nghiệp nhân của địa ngục. Chúng ta là người tu hành mà không vượt qua được chính mình, sân hận người khác thì những người đó có bị tổn hại không? Nếu đối phương có tu dưỡng thì một chút tổn hại cũng không có, người bị tổn hại lại là chính mình. Chúng ta phải suy ngẫm kỹ lời giáo huấn của Phật, bình tâm lại quan sát hành vi của bản thân và người khác. Đa số con người không thể thấy được lỗi của mình nhưng dễ thấy lỗi của người khác, như thế từ hành vi của người khác có thể tham khảo, phản tỉnh cho chính mình, lấy người khác làm tấm gương sửa ác hướng thiện.

Nếu thường khởi tức giận, có tâm sân hận thì **“Bát chủng hỷ duyệt tâm pháp”** (là tám pháp vui vẻ) hoàn toàn không có được. Tám loại hỷ duyệt tâm pháp này chính là mở rộng của **“thường sanh hoan hỷ tâm”** mà nhà Phật thường nói. Tám loại tâm pháp hỷ duyệt này cũng là cách thức để kiểm tra xem bản thân mình có ý niệm sân hận hay không. Nếu có đầy đủ tám điều này chứng tỏ chúng ta đã lìa được tâm sân hận, bằng như chưa đạt đầy đủ, thì thật vẫn còn tâm sân hận nhưng tạm thời không khởi hiện mà thôi, gặp phải ác duyên tức thời sẽ khởi dụng ra ngay.

Điều đáng sợ nhất vào giây phút lâm chung của đời người là khởi lên sân hận, vì đời sau đầu thai ở cõi nào thì phải xem nhất niệm của con người

vào giờ phút then chốt ấy. Nếu nhất niệm sau cùng là tâm sân hận thì phần nhiều đọa vào địa ngục. Trong quyển Sứ Chung Tân Lương có nói (*đây chính là cuốn “Những điều cần biết lúc lâm chung” của pháp sư Thế Liễu*) không nên xúc chạm vào người đương lúc lâm chung, vì khi đó họ đang trong tình trạng thần thức lìa thân thể, nhà Phật ví việc này đau đớn thống khổ như thể “lột cái mai lìa khỏi thân con rùa lúc đang sống” nên khi chúng ta xúc chạm thì họ rất dễ khởi tâm sân hận. Điều này hết sức bất lợi với người chết. Thông thường, khi thần thức lìa thân thể thì cần từ 8 đến 12 giờ đồng hồ; cho nên trong khoảng thời gian này nhất định không được chạm vào thân xác họ, ngay cả giường họ nằm cũng không được chạm. Đây mới thật là biết thương họ. Sau 8 giờ đầu thì có thể thăm dò thử nhưng an toàn nhất vẫn là sau 12 giờ kể từ lúc họ trút hơi thở cuối cùng. Vậy mới biết người ta khi còn sống dù công phu niệm Phật không tẻ nhưng khi vãng sanh nếu thân quyến không hiểu rõ việc này, cứ ở bên cạnh vừa khóc vừa kêu thì rất dễ khởi dẫn tình cảm của họ, lại thêm đụng chạm vào họ thì càng không hay.

Đời có được mấy người lúc lâm chung may mắn gặp được bậc thiện tri thức thực lòng giúp đỡ để họ được vãng sanh? Thông thường, gia quyến sẽ đau khổ, khư khư níu kéo người mất, nhưng nếu thực sự hiểu được đạo lý này thì sẽ đặt thân thể người mất riêng một nơi, không để họ nghe tiếng khóc của thân bằng quyến thuộc. Nên nhớ thời điểm then chốt này quan trọng hơn bất kỳ điều gì, chúng ta phải chu đáo gìn giữ, như lý như pháp mà trợ niệm thì sẽ có lợi cho người mất. Con người vào lúc lâm chung chánh niệm phân minh, thì dù thập niệm hay nhất niệm đều có thể được vãng sanh, vì vậy mà việc trợ niệm vô cùng quan trọng và cũng là công đức chân thật.

Đại Từ Bồ Tát dạy rằng: “Nếu chúng ta giúp hai người vãng sanh thì cũng bằng bản thân tinh tấn. Chúng ta có thể giúp đỡ mười người vãng sanh thì phước báo vô lượng, tương lai chắc chắn được vãng sanh. Còn như chúng ta có thể giúp đỡ một trăm người vãng sanh thì chúng ta thực sự thành Bồ Tát”. Cho nên có rất nhiều đoàn thể niệm Phật đều có đoàn trợ niệm, đây là việc tốt đáng được đề xướng. Hơn nữa việc này cũng có lợi ích rất lớn đối với những người có công phu niệm Phật chưa được thuần thục.

Xã hội ngày nay chương duyên rất nhiều, bên trong thì chất chứa phiền não, tập khí nặng nề, bên ngoài lại quá nhiều thứ mê hoặc, làm sao mà không đọa lạc! Chúng ta có được chút thành tựu là do việc đọc kinh, nghe pháp được huân tập hàng ngày. Dầu sức huân tập mà tích lũy được ngang bằng với

phiền não tập khí thì vẫn chưa chắc được vãng sanh. Muốn vãng sanh, sức tu huân tập phải vượt qua phiền não tập khí. Điều này có nghĩa là chúng ta phải có khả năng áp chế phiền não tập khí, bất kỳ ở đâu khi nào cũng không để phiền não tập khí khởi hiện, dù trong thuận cảnh hay nghịch cảnh, thiện duyên hay ác duyên. Đến khi căn đối với trần không còn chịu ảnh hưởng thì được vãng sanh là điều chắc chắn. Công phu này phải được duy trì thường xuyên. Có thể phớt lờ, nhìn thấu và buông bỏ trần duyên thế tục thì một đời tu học cầu vãng sanh tịnh độ mới mong gặt hái thành tựu. Còn như vẫn chịu sự tác động từ bên ngoài, nội tâm phiền não thường khởi hiện, thì chắc chắn không thể cầu vãng sanh tịnh độ, phần nhiều đọa vào tam ác đạo.

Nếu nghe những lời này mà có thể tự cảnh tỉnh thì chúng ta cũng xem như đã giác ngộ rồi, còn nếu đối với cảnh giới hiện tiền này vẫn mãi mê đắm, mịt mù thì mãi vẫn luân hồi lục đạo, mà kiếp sau còn khổ hơn kiếp này. Thực hành được 80% lời dạy trong mười thiện nghiệp thì xem như miễn cưỡng giữ được thân người, thực hành được 60% thì cũng không chắc được điều gì. Cho nên chúng ta phải luôn chăm chỉ nỗ lực, kiểm điểm bản thân và ra sức học tập.

Thứ nhất là **“Vô tổn não tâm”** (nghĩa là tâm không bị phiền não tổn hại).

Chữ “tổn” trong câu này nghĩa là làm tổn người lợi mình, “não” nghĩa là khiến người phiền não. Như vậy, “tổn não tâm” nghĩa là mọi việc mình làm đều khiến người thấy chán ghét. Thế thì làm thế nào mới thật sự không “tổn não tâm”? Chúng ta phải trì giới, giữ pháp. Làm người đâu thể nào đến thập toàn thập mỹ nhưng chỉ cần nỗ lực hết sức đi làm, đường đường chính chính không thẹn với lòng, được vậy thì tâm chắc chắn an ổn.

Thứ hai là **“Vô sân nhuế tâm”** (nghĩa là tâm không giận dữ).

Tâm tổn não, tâm sân nhuế, tâm tranh tụng hay đấu chỉ là không hòa thuận nhẫn nhịn thì đều là sân nhuế hiện hành. Trong cuộc sống thường ngày mỗi lúc khởi tâm động niệm miễn là đoạn được sân nhuế thì những thứ khác tự nhiên cũng không khởi sinh. Người đời hễ gặp chuyện không như ý liền khởi sân nhuế mà không biết rằng “nhất niệm tâm sân khởi, bách vạn chương môn khai” (nghĩa là một niệm tâm sân khởi ắt mở ra trăm vạn cửa chương ngại). Vậy là một niệm tâm sân khởi, trí huệ liền không còn, lí trí cũng bị che mờ. Thế là hoàn toàn dựa vào cảm tình để xử sự, không những tổn hại bản

thân, mà thể nào cũng hữu ý hoặc vô tình gây thù kết oán với hết thầy chúng sanh. Oán thù này nếu không thể hóa giải, đến lúc nhân duyên chín muồi, báo ứng thì hiện tiền, cứ thế oan oan tương báo, mà chắc chắn quả báo mỗi lần mỗi tàn khốc hơn.

Trong sách Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn có nhắc đến 17 đời của Đế Quân đều là bậc sĩ đại phu, mà những nhân quả nghiệp báo đương thời của ông đáng để chúng ta xem như tấm gương cảnh tỉnh. Cho nên nói “Oan gia nên giải, không nên kết” là vậy. Người học Phật phải tin “nhân quả thông ba đời”, nhân sinh đâu chỉ mỗi kiếp này, nếu chỉ một đời 1 kiếp thì việc gì phải tu hành? Phải hiểu rằng nhân sinh vốn đầy đủ quá khứ, hiện tại và vị lai, mà quá khứ, vị lai thì “vô thủy vô chung” (nghĩa là không đầu không cuối). Tội nghiệp tích tụ trong quá khứ không ít dưỡng thành phiền não, tập khí sâu nặng; kiếp này may gặp Phật pháp thì phải giác ngộ, sửa chữa lỗi lầm. Đời người ngắn ngủi, dầu sống đến trăm năm chẳng qua cũng như cái khảy móng tay, chớp mắt đã qua. Người thông minh sống trong cảnh tạm bợ nhất thời thì cầu thoát khỏi lục đạo luân hồi, mong được thành tựu vô thượng chánh đẳng chánh giác. Đây là mục tiêu của chúng ta mong cầu, đây mới thực sự là biết dừng lại, nhất định phải vạn duyên buông xả, nhất tâm hướng vô thượng bồ đề.

Tu học Phật pháp muốn thành tựu không thể không buông xả pháp thế gian. Phật pháp là chánh giác, thế pháp là mê tình. Việc chón Phật môn nếu không giác ngộ cũng là thế pháp, ở trong thế pháp nếu có thể giác ngộ cũng chính là Phật pháp. Như vậy, Phật pháp và thế pháp khác nhau ở chỗ giác ngộ hay mê lầm. Phật dạy rằng, đối với tất cả pháp thế xuất thế gian chúng ta nên giữ thái độ tự tại tùy duyên, hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Phan duyên là thế pháp, tùy duyên là Phật pháp. Hay nói cách khác, thế pháp khiến chúng ta không tự tại; Phật pháp thì giúp chúng ta tự tại, mà muốn được tự tại phải biết tùy duyên. Xa rời mười ác, dứt lìa tham sân si mạn chính là tự tại. Nội tâm không phiền não thì ngoại cảnh sao có thể cảm dỗ được, ngoại cảnh có thể cảm dỗ chúng ta chẳng qua là làm chúng ta phiền não, làm cho phiền não khởi hiện. Nên khi đoạn được phiền não rồi thì “vô tư vô ngã”, không tham sân si mạn, thì dầu sự cảm dỗ bên ngoài có nhiều, có tinh vi hơn cũng không làm chúng ta động tâm, có vậy mới có thể tự tại. Tùy duyên chắc chắn là tự tại, đã tùy duyên thì chắc chắn không có phiền não.

Phiền não khởi sanh phần nhiều là do được, mất mà ra, ví như giữ được tâm “vô tư, vô ngã”, không có tham, sân, si, mạn thì sự được, mất cũng chẳng còn, lúc này đây chính là “tùy duyên” vậy. Hữu duyên thì quảng lợi chúng sanh (*nghĩa là: làm lợi ích cho khắp cho chúng sinh*), còn không hữu duyên thì cũng giữ cho tâm luôn nghĩ về việc lợi ích cho chúng sanh. Chẳng qua là cách làm không giống nhau, nhưng thực thì vẫn như lời dạy của cổ nhân “hữu duyên thì làm lợi cho khắp cả chúng sanh, vô duyên thì tự hoàn thiện bản thân”. Tự hoàn thiện bản thân chính là chuẩn bị cho tương lai, gặp đúng cơ duyên sẽ vì đại chúng phụng sự, niệm niệm không quên tâm này. Tâm này chính là tâm đại bồ đề, chính là tâm độ chúng sanh.

Vậy nên khi nhân duyên chưa chín muồi, thì không cần phải tự mình nghĩ cách để tìm cơ hội, chỉ cần bản thân thật sự phát tâm vì Phật pháp, vì chúng sanh, thì Phật Bồ tát sẽ gia trì chúng ta. Cầu Phật lực gia trì, không phải mỗi ngày ở trước hình tượng Phật Bồ tát cầu xin, đó là phan duyên. Chỉ cần nỗ lực hoàn thiện bản thân, niệm niệm không rời tâm nguyện phụng sự chúng sanh, ấy mới chính thật là cầu Phật Bồ tát gia trì. Từ đó cho thấy, Phật Bồ tát gia trì chắc chắn không rời “thời tiết nhân duyên”, “thời tiết nhân duyên” chưa chín muồi thì không gặp được cơ hội.

Nhân duyên chưa chín muồi không ngoài hai yếu tố, một là do đức hạnh học vấn bản thân chưa đủ để truyền pháp lợi sanh, Phật Bồ tát không cảm ứng; hai là tại nơi đó, thời điểm đó không có người thực sự phát tâm học Phật pháp. Thiếu một trong hai yếu tố này thì nhân duyên không thể chín muồi, nếu nhân duyên chưa chín muồi thì bản thân càng phải nỗ lực dụng công.

Phương pháp dụng công rất nhiều, trong nhà Phật thường nói tám vạn bốn ngàn pháp môn, trong đó điều kiện quan trọng nhất là kiên định giữ gìn bản thân không đọa lạc. Mỗi phút mỗi giây đều phải gìn giữ điều này. Mà phương pháp hiệu quả nhất là gần gũi thiện tri thức, thiện tri thức ở đâu? Ở trong Kinh điển, mỗi ngày đọc Kinh chính là gần gũi Phật Đà, mỗi ngày nghiên cứu chú giải chính là thân cận thiện hữu cô kim. Chúng ta xem nhiều, nghe nhiều thì sẽ mở trí huệ của mình, ngày ngày tăng trưởng trí huệ thì không dễ đọa lạc. Cổ nhân thường nói “*Ba ngày không đọc sách thánh hiền, mặt mũi rất khó coi*”. Nếu như chúng ta ba ngày không đọc Kinh, phiền não tập khí đều khởi hiện, không còn khả năng chống cự biết bao cảm dỗ ở trong xã hội, vậy thì đọa lạc rồi.

